

**CÔNG TY TNHH LƯƠNG Y HOÀNG NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LƯƠNG Y HOÀNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG NAM DOCTOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110283664

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 8 xóm Ngõ Giai, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 034 7995700

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; | 4659 |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, dược liệu;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669 |
| 6.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0119 |
| 7.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0128 |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8292 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |
| 11. | Đào tạo trung cấp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532 |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>- Lớp đào tạo marketing, làm đẹp                                                                                                                                                                                                                                        | 8559 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                 | 8560        |
| 14. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: - Phòng chẩn trị y học cổ truyền<br>- Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông                              | 8620(Chính) |
| 15. | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng;                                                                                                                                     | 8692        |
| 16. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cơ sở dịch vụ y tế:<br>Cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp<br>Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà<br>Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ<br>Cơ sở dịch vụ y tế khác | 8699        |
| 17. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc da, dịch vụ spa(không xâm lấn, không can thiệp dao kéo, không gây chảy                                                      | 9610        |
| 18. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết: Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm<br>- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác                                                                      | 9631        |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>(trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                | 6619        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                       | 7020        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại.<br>Hoạt động môi giới quyền (bản sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)<br>Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý (Tư vấn về thương hiệu)<br>Tư vấn chuyển giao công nghệ (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)<br>Hoạt động nhượng quyền thương mại | 7490 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 28. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1079 |
| 29. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 30. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812 |
| 31. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1820 |
| 32. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2100 |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791 |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 37. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7721 |
| 38. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7729 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 40. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911 |
| 41. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7912 |

|     |                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                   | 7990 |
| 43. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                           | 3250 |
| 44. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, lắp đặt các thiết bị âm thanh, ánh sáng nhạc cụ                                                         | 3320 |
| 45. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 250.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ HỮU NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/06/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091045754

Ngày cấp: 03/02/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 8, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 8, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ HỮU NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/06/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091045754

Ngày cấp: 03/02/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 8, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 8, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội